

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HS-ST
Ngày 17 - 12 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Phấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Lợi

Ông Trần Đình Đường

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thị Bích Hà – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 165/2019/TLHS-ST ngày 01/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vi Thị S ; sinh ngày: 14/11/1975 tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: bản Có Phảo, xã y, huyện d, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Truyền Th (Chết) và bà Lữ Thị B ; cH là Vi Văn H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2019 đến nay; có mặt.

2. Lương Thị H ; sinh ngày: 10/5/1955 tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: bản Xiềng Nứa, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H và bà Lương Thị Th (Đều đã chết); cH là Lô Doãn Ph , sinh năm 1951 và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2019; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị S* : Luật sư Phan Thị S thuộc Văn phòng luật sư d và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Thị H* : Ông Lê Công Th – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An; có mặt

- *Bị hại*: Chị Cụt Thị D , sinh năm 1994; trú tại bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lữ Thị B ; sinh năm 1955; trú tại: bản Có Phảo, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bà Pịt Thị H ; sinh năm 1952; trú tại bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng cuối năm 2012, Vi Thị S(sinh năm 1975; trú tại bản Có Phảo, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An) đang làm ăn, sinh sống tại Trung Quốc có điện thoại về Việt Nam gặp Lương Thị H(sinh năm 1955; trú tại bản Xiềng Nứa, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An) là họ hàng với S để nói chuyện. Quá trình trao đổi, nói chuyện qua điện thoại, Vi Thị S có đặt vấn đề với Lương Thị H tìm người đưa sang Trung Quốc để bán, nếu Lương Thị H tìm được người đưa sang Trung Quốc, S sẽ trả tiền công cho H và trả tiền cho người đồng ý đi sang Trung Quốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Lương Thị H đồng ý.

Khoảng đầu năm 2013, trong quá trình tìm kiếm người đưa sang Trung Quốc, Lương Thị H biết được chị Cụt Thị D(sinh năm 1994; trú tại bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An) là người cùng xã với H đã lập gia đình nhưng thường xuyên bị chồng đánh đập, muốn đi làm ăn xa. Lương Thị H đã đến nhà gặp bà Pịt Thị H(mẹ đẻ D) và Cụt Thị D; Lương Thị H hỏi D có muốn đi sang Trung Quốc làm việc hoặc lấy chồng không, nếu đi thì H sẽ đưa cho D và gia đình Cụt Thị D 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), vì cuộc sống hiện tại quá khó khăn nên Cụt Thị D đồng ý.

Lương Thị H trở về nhà điện thoại thông báo với Vi Thị S đã tìm được Cụt Thị D đồng ý đi sang Trung Quốc, H yêu cầu khi đưa D sang Trung Quốc thành công S phải trả cho gia đình Cụt Thị D 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), Vi Thị S đồng ý. Lương Thị H trao đổi thống nhất số tiền như vậy để nhằm hưởng lợi 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). S và H bàn bạc thống nhất nhờ anh Lương Văn C(sinh năm 1981; trú tại bản Xiềng Nứa, xã Yên Na, huyện Tương

Dương, tỉnh Nghệ An; là con rể của Lương Thị H) đưa Cụt Thị Dđi đến cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Vi Thị Ssẽ bố trí người đưa D sang Trung Quốc.

Qua nhiều mối quan hệ ở Trung Quốc, Vi Thị Sđã liên hệ được với một người phụ nữ tên H (không rõ họ tên đầy đủ và lai lịch cụ thể) là người Việt Nam đang sinh sống tại Trung Quốc nhận lời đón Cụt Thị Dtừ cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam sang Trung Quốc.

Khoảng 02 tuần sau (không nhớ ngày tháng cụ thể), Vi Thị Sđiện thoại cho Lương Thị Hthông báo đã tìm được người đón D sang Trung Quốc. Lương Thị Hliên lạc với Cụt Thị Dthông báo thời gian đi sang Trung Quốc, rồi nhờ Lương Văn Cđưa Cụt Thị Dra Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh; đồng thời đưa máy và số điện thoại của Vi Thị Scho Lương Văn Cđể tiện liên lạc.

Lương Văn Cđùng xe máy của mình chở Cụt Thị Dđến bến xe Vinh, sau đó đón xe khách đi cùng Cụt Thị Dđến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến nơi, Lương Văn Cđiện lạc với Vi Thị S. S gửi số điện thoại người phụ nữ tên H rồi nói Lương Văn Cgọi, sẽ có người đón. Lương Văn Cđiện thoại cho người phụ nữ tên H thông báo đã đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh thì người phụ nữ tên H nói Càng chờ một lát nữa sẽ có một người đàn ông đến đón. Khoảng 05 phút sau, có một người đàn ông trung tuổi (không rõ lai lịch cụ thể) đến nhận Cụt Thị Dđể đưa sang Trung Quốc. Bàn giao Cụt Thị Dxong, Lương Văn Ctrở về nhà, trả máy điện thoại cho Lương Thị H. Khi thấy Lương Văn Cđưa Cụt Thị Dđi một quãng đường dài trở về một mình nên Lương Thị Hđã cho Lương Văn C1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Cụt Thị Dđược người đàn ông trung tuổi đưa trái phép sang Trung Quốc bằng đường sông. Khi đến địa phận Trung Quốc, Cụt Thị Dđược người phụ nữ (không rõ lai lịch cụ thể) đón và bắt xe cho D đến nhà Vi Thị Sở Liên Đăng, Trung Quốc. Tại nhà Vi Thị S, có nhiều gia đình Trung Quốc đưa con đến xem mặt để mua về làm vợ, khoảng 05 ngày sau Cụt Thị Dđồng ý lấy một người đàn ông Trung Quốc tên là Li Xi. Gia đình Li Xi thỏa thuận giá cả với bà mối và Vi Thị Smua Cụt Thị Dvới giá 07 vạn Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) tương đương 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng) tiền Việt Nam. Bà mối nhận tiền xong lấy 01 vạn Nhân dân tệ tiền công, còn lại 06 vạn Nhân dân tệ đưa cho Vi Thị S. Vi Thị Strích ra 05 nghìn Nhân dân tệ giao cho người phụ nữ tên H là tiền công vận chuyển Cụt Thị D. Số tiền còn lại 5,5 vạn Nhân dân tệ, Vi Thị Sđưa cho gia đình cH ở Trung Quốc cất giữ. Khoảng một tháng sau, Vi Thị Slấy tiền để gửi về cho gia đình Cụt Thị Dvà Lương Thị Hnhưng gia đình cH không đưa vì nói tiền đã gửi vào hiệu cầm đồ để hưởng lãi suất cao.

Khi biết Vi Thị S đã bán được Cụt Thị D, Lương Thị H liên tục điện thoại cho Vi Thị S yêu cầu gửi tiền để trả cho gia đình Cụt Thị D. Vi Thị S cũng nói rõ cho Lương Thị H biết việc gia đình CH đã giữ hết tiền. Sau đó S điện thoại về cho bà Lữ Thị B (mẹ đẻ S) trú tại bản Cỏ Pháo, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An để nhờ bà B trả 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) cho gia đình Cụt Thị D. Sau khi bà B đồng ý, Vi Thị S điện thoại và thỏa thuận với Lương Thị H đến nhà bà B lấy 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để trả cho gia đình Cụt Thị D vì gia đình Vi Thị S không đủ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trả như đã thỏa thuận trước đó, Lương Thị H đồng ý.

Lương Thị H đến nhà bà Lữ Thị B nhận 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Sau đó Lương Thị H thông báo cho Pịt Thị H (mẹ đẻ Cụt Thị D) trú tại bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đến nhà mình để nhận tiền. Pịt Thị H và CH là Cụt Văn Dung đến nhà Lương Thị H nhận 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), Lương Thị H xin lại 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền công vì đã môi giới cho gia đình Pịt Thị H có được số tiền đó. Pịt Thị H đồng ý và cầm 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) đi về nhà.

Năm 2018, Cụt Thị D trở về địa phương tại bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An sinh sống. Ngày 12/4/2019, Cụt Thị D làm đơn tố cáo hành vi mua bán người của Vi Thị S và Lương Thị H.

Bản cáo trạng số 190/CT-VKS-P2 ngày 15/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H về “Tội mua bán người” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

+ Xử phạt bị cáo Vi Thị S mức án tù 04 năm - 04 năm 06 tháng tù về “Tội mua bán người”.

+ Xử phạt bị cáo Lương Thị H mức án tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về “Tội mua bán người”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H vì các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm ngoài số tiền mà các gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại (Gia đình của các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H đã bồi thường danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng/01 gia đình bị cáo)

Tại phần tranh luận: Người bào chữa cho các bị cáo không tranh luận về tội danh, điều khoản truy tố, xét xử đối với các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An bởi vì các bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ gồm: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H không có ý kiến tranh luận và đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa.

Bị hại không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ khẳng định: Do hám lợi nên trong năm 2012, Vi Thị S và Lương Thị H cùng nhau bàn bạc thống nhất tìm người đưa sang Trung Quốc để bán kiếm tiền tiêu xài. Đầu năm 2013, Lương Thị H tìm được chị Cụt Thị D (sinh năm 1994; trú tại bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An). H và S thống nhất nhờ Lương Văn C đưa chị D đến cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, sau đó S nhờ người đưa Cụt Thị D đi bằng đường tiểu ngạch sang Trung Quốc về nhà CH của S. Khoảng 5 ngày sau, Vi Thị S bán Cụt

Thị D cho một người đàn ông Trung Quốc được 07 (bảy) vạn Nhân dân tệ tương đương 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng) tiền Việt Nam. Sau khi trừ chi phí 1,5 vạn Nhân dân tệ tiền công bà mối và tiền công người vận chuyển Cụt Thị D, còn lại 5,5 vạn Nhân dân tệ, Vi Thị S đưa cho gia đình cH ở Trung Quốc cất giữ. Lương Thị H biết Vi Thị S đã bán được Cụt Thị D nên yêu cầu S gửi tiền về. Do gia đình cH ở Trung Quốc không trả tiền nên S đã nhờ bà Lữ Thị B đưa cho Lương Thị H 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, Lương Thị H giao cho gia đình Cụt Thị D 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), còn H hưởng lợi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền công.

Năm 2018, Cụt Thị D trở về địa phương tại bản Xốp Pu, xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An sinh sống. Ngày 12/4/2019, Cụt Thị D làm đơn tố cáo hành vi “Mua bán người” của Vi Thị S, Lương Thị H.

Như vậy, các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H đã có hành vi đưa chị Cụt Thị D sang Trung Quốc để bán lấy tiền nên đã phạm “Tội mua bán người”, vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, vai trò, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ nói chung và của chị Cụt Thị D nói riêng. Các bị cáo chỉ vì háms lợi nên đã lợi dụng sự kém hiểu biết của bị hại để thực hiện tội phạm, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và để phòng ngừa chung.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm hình nhẹ phạt cho các bị cáo; bản thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế; vụ án xảy ra cũng có một phần do lỗi của người bị hại mong muốn được sang Trung Quốc lấy cH, làm ăn. Vụ án xảy ra đã lâu, người bị hại hiện cũng đã ổn định cuộc sống, không có yêu cầu gì. Và tại phiên tòa người bị hại chị Cụt Thị D cũng xác định, trong thời gian lấy cH ở Trung Quốc không bị bạo hành, nay về Việt Nam chị D đã lấy cH mới ổn định cuộc sống, không bị ảnh hưởng về mặt tâm lý và tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Lương Thị H có CH là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và đang thờ cúng liệt sỹ. Hơn nữa bị cáo hiện đã trên 60 tuổi và tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Vi Thị S là người khởi xướng; bị cáo Lương Thị H là người giúp sức, do đó cần phân hóa vai trò của các bị cáo khi xem xét về hình phạt đối với bị cáo S cao hơn.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa cũng đủ nghiêm, thể hiện sự khoan H của pháp luật.

[4] Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm ngoài số tiền mà gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường danh dự, nhân phẩm, tổn thất tinh thần cho bị hại, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H.

Bị cáo Lương Thị H hưởng lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng từ việc thực hiện tội phạm nên cần phải tịch thu (truy thu) sung Ngân sách nhà nước.

[6] Đối với Lương Văn C là người trực tiếp đưa chị Cự Thị D từ xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đến cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để giao cho người khác đưa chị D sang Trung Quốc. Quá trình điều tra chưa đủ tài liệu, chứng cứ làm rõ động cơ, mục đích của C. Kết quả xác minh, Lương Văn C không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không ai biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với người phụ nữ tên H, người đàn ông đưa chị Cự Thị D từ cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh sang Trung Quốc và người phụ nữ đưa chị D đến nhà CH của Vi Thị S, theo lời khai Vi Thị S đều là người Việt Nam ở Trung Quốc. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với bà Pị Thị H và ông Cự Văn Dung (Bố mẹ chị D) là người trực tiếp đến nhà Lương Thị H nhận tiền. Quá trình điều tra xác định bà Pị Thị H và ông Cự Văn Dung không biết việc chị Cự Thị D được đưa sang Trung Quốc là để

bán. Hai người cũng không bàn bạc, thỏa thuận việc mua bán Cụt Thị Dể hưởng lợi, vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với bà Pịt Thị H và ông Cụt Văn Dung.

Đối với bà Lữ Thị B là người đã giao cho Lương Thị H 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Quá trình điều tra xác định bà Lữ Thị B không tham gia bàn bạc, thống nhất bán chị Cụt Thị D, không hưởng lợi từ số tiền bán chị D và cũng không biết nội dung, sự việc gì. Vì vậy hành vi nêu trên của Lữ Thị B không cấu thành tội phạm.

Đối với số tiền 75.000.000 đồng mà bà Pịt Thị H nhận từ bị cáo Lương Thị H, đây là số tiền công của người bị hại. Bà Pịt Thị H mẹ của chị D nhận và dùng số tiền này để chi tiêu hết cho cuộc sống gia đình trong đó có chị D. Bà Hoa và chị D hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không truy thu số tiền này.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H phạm “Tội mua bán người”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Xử phạt: Bị cáo Vi Thị S04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/4/2019.

- Xử phạt: Bị cáo Lương Thị H03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/4/2019.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H.

- Truy thu đối với bị cáo Lương Thị H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Vi Thị S, Lương Thị H; người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TAND cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Cơ quan CSĐT-Công an Nghệ An;*
- *Cơ quan THAHS*
- *Công an Nghệ An;*
- *Trại tạm giam Công an Nghệ An;*
- *Sở Tư pháp Nghệ An;*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phần